TÒA PHÚC THẨM **TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 229/2025/DS-PT
Ngày 30-01-2026.
V/v *"Tranh chấp đòi tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Tuấn.

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thúy Hồng.

Ông Nguyễn Hồ Tâm Tú.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Cẩm Linh – Thư ký Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Bùi Như L - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 229/2025/TLPT-DS ngày 25/10/2025 về việc "*Tranh chấp đòi tài sản"*

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2025/DS-ST ngày 05-6-2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2223/2025/QĐXX-DS ngày 25 tháng 12 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2026/TB-TA ngày 12/01/2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Quách Kim C, sinh năm 1960; địa chỉ: căn hộ A, Lô B, Chung cư N, Phường G, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phường F, Thành phố Hồ Chí Minh);

Người đại diện theo ủy quyền:

+ Ông Trần Văn H, sinh năm 1966; địa chỉ: A Tỉnh lộ 8, khu phố B, thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã T, Thành phố Hồ Chí Minh); có mặt

+ Ông Cao Văn Đ, sinh năm 2000; địa chỉ: A đường T, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường A, Thành phố Hồ Chí Minh); có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn: Bà Trương Thị Minh T, Luật sư Công ty L2 thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H; địa chỉ: A T, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường A, Thành phố Hồ Chí Minh); có mặt

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Lệ T1 (Lena N), sinh năm 1967; địa chỉ: P.O B Magnolia St . S, G, CA 92841, USA.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Duy T2, sinh năm 1978; địa chỉ: G đường M, phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường S, Thành phố Hồ Chí Minh); có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Quách Vĩnh P, sinh năm 1973; địa chỉ: 14.14, Lô B Chung cư N, Phường G, Quận A (nay là phường V), Thành phố Hồ Chí Minh); có mặt.

+ Ông Nguyễn Thanh T3, sinh năm 1955, địa chỉ: A đường U, Phường B, quận B (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh; xin vắng mặt

+ Bà Hoàng Thị Vân A, sinh năm 1981; địa chỉ: 1 đường U, Phường B, quận B (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh; xin vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị Lệ T1, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Quách Thị Kim C trình bày:

Giữa Bà và bà Nguyễn Thị Lệ T1 có mối quan hệ bạn bè thân thiết từ năm 2009 khi sinh sống tại Hoa Kỳ. Bà T1 là người được quyền chuyển nhượng nhà và đất tại địa chỉ số A U (X cũ), Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là nhà đất 143/11G1) từ ông Trần Thượng D (là chủ cũ). Bà T1 và B đã thỏa thuận: Bà T1 bán nhà đất 143/11G1 cho Bà, cụ thể như sau:

Tại thời điểm thỏa thuận mua bán giữa Bà với bà T1 (năm 2009 và năm 2010), thì B và bà T1 cùng cư trú tại Hoa Kỳ, nên B và bà T1 thỏa thuận việc mua bán căn nhà và đất trên bằng lời nói. Bà đã thanh toán cho bà T1 tổng số tiền là 220.000 đô la Mỹ theo Phụ lục 01 – Vi bằng 513/2022/VB-TPL ngày 30/5/2022. Số tiền trên Bà đưa cho bà T1 nhiều đợt (từ năm 2009 đến năm 2016). Ngày 10/01/2017, bà T1 về Việt Nam để lập Hợp đồng ủy quyền tại Phòng C1 Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T1 ủy quyền cho ông Nguyễn Thanh T3 (anh ruột của bà T1) và ông Quách Vĩnh P (cháu ruột của bà C) để thực hiện nội dung ủy quyền theo đó ông T3 và ông P (Bên A) được quyền thay mặt và nhân danh bà T1 (Bên B) quản lý, sử dụng, cho thuê, cho mượn đối với nhà đất 143/11G1, đóng thuế và phí liên quan, được quyền liên hệ các cơ quan chức năng có thẩm quyền để nộp và nhận hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (gọi tắt là Giấy chứng nhận) đối với nhà đất 143/11G1 theo quy định của pháp luật. Trong phạm vi uỷ quyền, Bên A được quyền lập văn bản, ký tên trên giấy tờ liên quan và thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Sau khi lập Hợp đồng ủy quyền, bà T1 đã bàn giao cho B và ông P các tài liệu (bản gốc) tại Phòng C2 Thành phố Hồ Chí Minh, gồm Hợp đồng mua bán nhà ở số 1495/HĐ-MBN ngày 12/3/1993 giữa ông Trần Thượng D (Bên bán) và bà Nguyễn Thị Lệ T1 (Bên mua) có công chứng (Phụ lục 3), Hợp đồng tặng cho nhà số 17435 ngày 5/9/2008 giữa ông Lưu Hồng T4 (Bên cho) và bà Nguyễn Thị Lệ T1

(Bên nhận) (Phụ lục 4), Giấy cấp số nhà số 342/CSN của Phòng Xây dựng UBND quận B ngày 8/7/1993 (Phụ lục 5), Giấy phép xây dựng số 261/GPXD của Sở Xây dựng ngày 30/4/1993 (Phụ lục 6), Giấy giao đất số 132/GGĐ của Ban Q cấp ngày 20/01/1993 (Phụ lục 7), Tờ khai chuyển dịch tài sản nộp thuế trước bạ ngày 12/8/1994 (Phụ lục 8), Tờ khai lệ phí trước bạ (người kê khai bà Nguyễn Thị Lệ T1) ký ngày 14-3-1998 (Phụ lục 9),

Trong thời gian sinh sống tại Hoa Kỳ, Bà đã nhiều lần yêu cầu bà T1 lập hợp đồng mua bán nhà ở để Bà được toàn quyền sở hữu nhà đất trên, nhưng bà T1 không thực hiện. Bà đã ghi âm được một số lời trao đổi giữa Bà với bà T1 về nội dung trên, thể hiện bà T1 xác nhận có thỏa thuận mua bán nhà và đã nhận tiền của B nhưng bà T1 không thực hiện nghĩa vụ của người bán, thể hiện tại Vi bằng số 514/2022/VB-TPL ngày 30/05/2022 (Phụ lục 10).

Với các lý do trên, Bà yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc bà Nguyễn Thị Lệ T1 (L) trả cho Bà số tiền 220.000 USD tương đương 5.589.540.000 đồng mà B đưa cho bà T1 để mua nhà.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Lệ T1 (L) có người đại diện ông Bùi Duy T2 trình bày:

Bà Nguyễn Thị Lệ T1 (L3) không bán nhà đất 143/11G1 cho bà C như đơn khởi kiện của bà C. Do đó, bà T1 không đồng ý trả lại số tiền 220.000 USD tương đương 5.589.540.000 đồng theo yêu cầu của bà C.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Quách Vĩnh P trình bày:

Ông là người có tên trong hợp đồng ủy quyền số 00783, quyển số 1 do bà Nguyễn Thị Lệ T1 làm tại Phòng C1, địa chỉ 9 đường N, Phường G, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 01/10/2017. Căn cứ theo giấy ủy quyền trên, Ông là người trực tiếp chuyển và giao một số tiền tận tay cho bà T1 như sau:

Năm 2006, ông nội Ông mãn phần qua đời có giao Ông giữ số vàng là 60 lượng cho bà nội Ông và cô Ô là bà Quách Thị Kim C đang sinh sống ở Hoa Kỳ. Vào đầu tháng 9/2009, bà C điện thoại kêu Ông bán vàng và chuyển tiền qua Mỹ cho bà C để đưa bà Nguyễn Thị Lệ T1 vay có lãi để tăng thêm lợi nhuận. Lần đầu tiên Ông bán 31 lượng vàng giá 21.800.000 đồng (tương đương 1.090 USD) được hoán chuyển và cộng thêm tiền của bà C có gởi Ông cất giữ trước đó, tổng số tiền có được là 33.000 USD. Qua điện thoại giao dịch và chỉ định của bà C với dịch vụ ở Mỹ, Ông đã chuyển giao cho bà C, và bà C đã đưa cho bà T1 vay trọn số tiền 33.000 USD.

Cuối năm 2009, bà T1 về Việt Nam giải quyết công việc riêng, bà C gọi điện thoại kêu Ông bán vàng tiếp để đưa tiền cho bà T1 là 30.000 USD vì bà T1 ngỏ ý muốn bán 1 trong 2 căn nhà của bà ở số A đường U (X cũ) Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cho bà C và bà C có ý định mua để cho Ông đứng tên. Lần này, Ông bán được 19 lượng vàng giá khoảng 27.000.000đ/lượng (tương đương 1.350 USD), cộng thêm tiền Ông giữ của bà C gởi về trước đó, Ông đã giao 30.000USD cho bà T1 tại quán café trên đường K Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tháng 10/2010, khi em họ Ông là Nguyễn Đình K (K) về Việt Nam, bà C điện thoại kêu bán hết số vàng còn lại, Ông gom đưa cho K mang về Mỹ cho bà C là

15.000 USD. Sau này, Ông được bà C cho biết đã đưa trọn số tiền này và tiền ở Mỹ của bà C để đưa bà T1 vay 40.000 USD. Bà T1 đã thỏa thuận bán nhà đất 143/11G1 cho bà C, nhưng không hiểu vì lý do gì bà T1 không thực hiện.

Năm 2012, bà C có gọi điện thoại về hỏi mượn Ông 10.000 USD để đưa cho bà T1 vay giải quyết công việc khó khăn ở Mỹ của bà T1, và sau đó bà T1 sẽ về Việt Nam làm giấy tờ nhà cho Ông đứng tên. Ông đã chuyển đủ số tiền 10.000 USD sang Mỹ cho bà C nhưng sau đó vẫn không thấy bà T1 về Việt Nam làm giấy tờ chuyển nhượng hoặc sang tên nhà cho Ông.

Đầu năm 2017, bà C về Việt Nam cho biết bà T1 sẽ về sau đó để làm giấy tờ nhà cho Ông đồng sở hữu với bà T1. Ngày 10/01/2017, bà T1 đã làm việc trước với Phòng C1, địa chỉ 9 đường N, Phường G, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh để đánh văn bản Hợp đồng ủy quyền số 00783 cho Ông và anh ruột bà T1 là ông Nguyễn Thanh T3 đồng ký tên. Ông chỉ biết nghe lệnh ký tên "bán nhà" như lời hứa của bà T1 bằng "Hợp đồng ủy quyền". Sau khi bà T1, ông T3 và Ông ký tên trong bản hợp đồng, bà T1 đã giao giấy tờ gốc nhà đất 143/11G1 cho bà C và Ông tại Phòng C1.

Năm 2018, ông Nguyễn Thanh T3 đã vi phạm hợp đồng, tự ý cho người thuê trước nhà để bán hàng và lấy tiền (căn nhà xây dựng không giấy phép). Năm 2019, bà C về Việt Nam thăm gia đình và được biết căn nhà trên sắp được tiền bồi thường mức định giá là 5.684.984.172 đồng. Trở về Mỹ hơn một năm sau, đại dịch Covid 19 xảy ra, bà C được tin công trình BOT giải tỏa đền bù khu vực nhà đất 143/11G1 đã hủy bỏ hợp đồng giải tỏa vì không đủ tiền bồi thường.

Năm 2021, bà C gọi điện thoại về kêu Ông sửa chữa và sử dụng nhà đất trên, nhưng ông T3 cản trở, không cho Ông vào nhà. Năm 2022, vì quá bức xúc với vụ việc mua và bán nhà này nên bà C đã làm đơn khởi kiện bà T1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị Vân A trình bày: Bà chỉ thuê mặt bằng kinh doanh nên không có ý kiến và xin vắng mặt tại các buổi làm việc, hòa giải và xét xử.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh T3: Ông T3 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tại các buổi làm việc, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải cũng như tại phiên tòa nhưng đều vắng mặt. Ông T3 có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 253/2025/DS-ST ngày 26-5-2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định (tóm tắt):

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Quách Thị Kim C:

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Lệ T1 (L) trả cho bà Quách Thị Kim C số tiền 5.492.960.000 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 29/5/2025, bị đơn bà Nguyễn Thị Lệ T1 kháng cáo Bản án sơ thẩm, đề nghị sửa Bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Tại phiên tòa, Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện hợp pháp của bị đơn có ý kiến tranh luận:

Bị đơn thừa nhận có chứng cứ là cuộc ghi âm, ghi hình do Nguyên đơn cung cấp. Tuy nhiên, nội dung cuộc nói chuyện giữa hai bên, bà T1 không thừa nhận có nợ tiền của bà C mà chỉ do bà C nói.

Mặt khác, giữa bà C với bà T1 có quan hệ đồng tính nên thường dùng tiền chung, đưa tiền cho nhau qua lại nên không có cơ sở xác định bà T1 vay tiền của bà C.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn tranh luận:

Không có việc giữa bà C với bà T1 có quan hệ đồng tính. Việc bà T1 vay tiền của bà C đã thể hiện rõ tại nội dung ghi âm, ghi hình nên đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của Bị đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ trong hồ sơ vụ án, xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn đối với Bị đơn là có căn cứ pháp luật. Bị đơn kháng cáo, nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ mới làm thay đổi bản chất vụ án nên đề nghị không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Lệ T1 (Lena Nguyen) làm trong hạn luật định, đủ điều kiện để thụ lý, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của Bị đơn, thấy rằng, Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn trả lại 220.000 USD do Nguyên đơn giao cho Bị đơn để mua nhà đất 143/11G1, nhưng Bị đơn không thừa nhận. Nguyên đơn xuất trình 08 đoạn ghi hình ảnh, âm thanh (file hình ảnh, âm thanh) đã được lập thành Vi bằng có nội dung thể hiện bà T1 thừa nhận việc nhận tiền của bà C. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của Bị đơn thừa nhận chứng cứ ghi âm, ghi hình do Nguyên đơn cung cấp, nhưng cho rằng nội dung cuộc nói chuyện không rõ ràng, không xác định được có việc bà T1 vay tiền của bà C.

[3] Xét thấy, tài liệu do Nguyên đơn cung cấp là tài liệu nghe được, nhìn được và có kèm theo văn bản trình bày về xuất xứ của tài liệu, phù hợp quy định tại Điều 93, khoản 1 Điều 94 và khoản 2 Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được coi là chứng cứ. Các đoạn ghi hình ảnh, âm thanh có các nội dung trao đổi giữa hai bên mà theo bà C là giữa Bà với bà T1, cụ thể: *"Cúc: bây giờ tiền bạc này kia nọ chị đã*

bàn giao cho L1, chị đã đưa cho L1 rồi mà L1 bán cho chị cái căn nhà đó là 130 ngàn; T1 (L): Nhà đó chị muốn làm gì đó chị làm; ...; C: Rồi còn cái tiền chị đưa thêm 90 ngàn đó, tổng cộng 220 ngàn đô, Lena nó là để giao hết cho chị mà L1 cũng không có làm, rồi bây giờ trong đó chị còn thiếu tiền; T1 (L): Chị tặng luôn, thôi thôi ... chị cứ lằng nhằng hoài, em mà như chị, em cho chị ... chị cho số tiền đó cho em ... sau nay em làm ăn sáng sủa, em có tiền em lo, chứ bây giờ chị có nói gì cũng vậy, không có nó khổ quá trờ, khổ gọi là không thể, em chấp chị ra pháp luật luôn. Cúc: ... rồi mình cộng lại đó số tiền hơn 220 ngàn rồi. T1: thôi giờ gác lại đó đi, giờ nói tiền chắc lên đường qua, giờ chị nhắc tiền hoài chắc em cuốn gói em lên đường trốn chị luôn quá".

Qua nội dung trên, tuy bà T1 không trực tiếp xác nhận đã nhận 220.000 USD, nhưng không phản bác số tiền 220.000 USD bà C cho rằng đã giao cho bà T1 nên có cơ sở xác định bà T1 có nhận của bà C 220.000 USD, tương đương 5.492.960.000 đồng (quy đổi ngày 20/5/2025). Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, buộc Bị đơn trả cho Nguyên đơn số tiền trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Bị đơn kháng cáo Bản án sơ thẩm, nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ làm thay đổi nội dung vụ án nên đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm đề nghị không chấp nhận kháng cáo của Bị đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm là phù hợp.

[5] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo của Bị đơn không được Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận nên Bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Lệ T1 (L). Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 253/2025/DS-ST ngày 26-5-2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Áp dụng khoản 2 Điều 164 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về Án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Quách Thị Kim C đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Lệ T1 (Lena N), buộc bà Nguyễn Thị Lệ T1 (L) trả cho bà Quách Thị Kim C số tiền 5.492.960.000 *(năm tỷ bốn trăm chín mươi hai triệu chín trăm sáu mươi nghìn)* đồng.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả

theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Lệ T1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai số 0000310 ngày 24/6/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T1 đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VCT&KSXXPT tại Tp. HCM;
- TAND Tp. HCM;
- VKSND Tp. HCM;
- THADS Tp. HCM;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HSVA, TTCL.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Ngọc Tuấn

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thúy Hồng **Nguyễn Hồ Tâm Tú** **Trần Ngọc Tuấn**